

ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CÁC CHI THUỘC HỌ MÀN MÀN (Capparaceae Juss.) Ở VIỆT NAM

SỸ DANH THƯỜNG

Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

TRẦN THỂ BÁCH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Trên thế giới, họ Màn màn (Capparaceae Juss.) có khoảng 45 chi, 900 loài phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, một phần ở ôn đới, chủ yếu là vùng khô, nhất là Châu Phi. Ở Việt Nam, có 7 chi với khoảng gần 60 loài. Đây là một họ có số lượng loài tuy không lớn nhưng về mặt phân loại khá phức tạp. Để giúp cho phân loại họ Màn màn một cách chính xác và thuận lợi, việc nghiên cứu những đặc điểm hình thái cơ bản của họ nhằm xác định tiêu chuẩn định loại các taxon trong họ (chi, loài) là điều rất cần thiết. Bài báo này giới thiệu một số đặc điểm hình thái quan trọng để nhận biết các chi thuộc họ Màn màn ngoài thiên nhiên.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Là đại diện các chi của họ Màn màn (Capparaceae) ở Việt Nam (bao gồm các tiêu bản khô được lưu giữ tại các phòng tiêu bản trong, ngoài nước và các loài sống trong tự nhiên được thu thập qua các chuyến điều tra thực địa).

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp hình thái so sánh được sử dụng cho nghiên cứu này. Đây là phương pháp nghiên cứu truyền thống, đơn giản so với nhiều phương pháp khác, nhưng vẫn cho những kết quả đáng tin cậy. Phương pháp này dựa vào các đặc điểm hình thái của cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản để nghiên cứu, trong đó chủ yếu là cơ quan sinh sản, do cơ quan này ít biến đổi và ít phụ thuộc vào sự thay đổi của môi trường bên ngoài.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

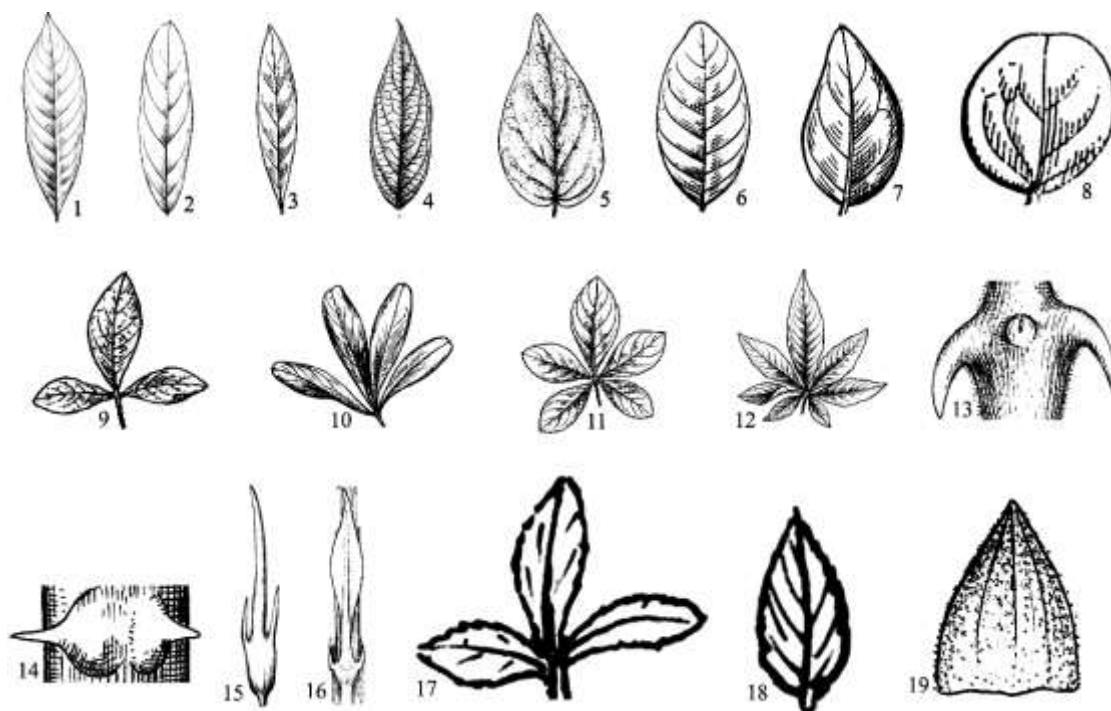
Chúng tôi đã xác định được những đặc điểm hình thái cơ bản của các chi thuộc họ Capparaceae qua những đặc điểm của các cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của các đại diện của họ. Dưới đây là những kết quả đó.

1. Dạng sống

Các loài thuộc họ này thường gặp là những cây bụi trườn (*Capparis*, *Stixis*), bụi đứng (*Niebuhrria*, *Tirania*, *Capparis*), cây gỗ (*Crateva*, *Capparis grandis*), đôi khi là cây bụi leo (*C. tonkinensis*, *Stixis suaveolens*) hay cây thân cỏ (*Cleome*), cỏ đứng (*Cleome hasselriana*, *C. viscosa*) hay cỏ bò (*Cleome rutidosperma*), cỏ một năm (*Cleome viscosa*, *C. gynandra*), 1-2 năm (*Cleome hasselriana*) hay cỏ nhiều năm (*Cleome rutidosperma*). Thân thường tròn, rất hiếm khi phân thân non có 6-8 cạnh (*Capparis grandis*); thân thường có gai, gai thường xếp thành từng cặp (*Capparis*, *Tirania*) hoặc không có gai; thân thường thẳng hoặc đôi khi có dạng zích zắc (*Capparis*); thân có lỗ vỏ trắng (*Crateva*, *Stixis*); thân và cành thường có màu xanh, một số đại diện có màu tím nhạt (*Cleome*); thân thường có rãnh dọc (*Capparis*, *Cleome*, *Tirania*); một số đại diện thân có chất dính và có mùi hắc (*Cleome viscosa*). Thân cành non thường có lông, màu nâu đỏ, màu trắng xám hoặc màu nâu vàng, ít khi nhẵn; lông bao phủ thường là lông đơn bào (*Stixis*), hay đa bào hình sao (*Stixis*, *Capparis*), lông tuyến (*Cleome*).

2. Lá

Thường gặp là lá đơn (*Capparis*, *Tirania*, *Stixis*), lá kép chân vịt (*Cleome*, *Crateva*, *Niebuhrria*), lá kép 3 lá chét (*Borthwickia*, *Crateva*), 3-5 lá chét (*Niebuhrria*), 3-7 lá chét (*Cleome*), mọc cách hoặc mọc đối (*Borthwickia*), kích thước lớn nhỏ khác nhau, có nhiều hình dạng như hình tim (*Capparis siamensis*), hình trứng (*Capparis*), hình trứng ngược (*Capparis*), hình bầu dục, hình mác, hình mác ngược. Lá nguyên, thường xanh, một số đại diện thường dày và bóng (*Capparis*), đôi khi mỏng (*Crateva*); mép thường nguyên, lượn sóng (*Capparis membranifolia*) hay có răng cưa nhỏ (*Cleome gynandra*). Góc lá hình tim, hình nêm, tròn hoặc nhọn. Chóp lá nhọn, tù, có mũi hoặc có đuôi. Gân lá hình lông chim; gân chính thường phẳng ở mặt trên và lõm ở mặt dưới, một số đại diện trên phần gân chính mặt trên nổi mụn nhỏ (*Stixis*); gân cấp 2 gồm 2-10 cặp, thường cong hình cung hoặc gần song song (*Capparis grandis*), gân cấp 2 kéo dài gần tới mép hoặc vẫn hợp ở gần mép lá (*Capparis*). Lá thường nhẵn hay chỉ có lông ở một mặt hoặc có lông ở cả 2 mặt với các dạng lông giống như ở thân và cành. Cuống lá dài, đôi khi có cuống rất ngắn (*Capparis*, *Cleome*), thường lúc đầu có lông hoặc nhẵn, cuống lá thường phù ở phần đỉnh (*Stixis*) (hình 1: 1-12).



Hình 1. Một số dạng lá, lá kèm và lá bắc của họ Mần mần

Các dạng lá: 1-9. Lá đơn: 1. Lá hình trứng ngược (*Capparis assamica*); 2. Lá hình thuôn (*Capparis micracantha*); 3-4. Lá hình mác (3. *Stixis scandens*; 4. *Capparis zeylanica*); 5. Lá hình tim (*Capparis siamensis*); 6. Lá hình bầu dục (*Capparis grandis*); 7. Lá hình trứng (*Capparis annamensis*); 8. Lá gần tròn (*Capparis flavicans*); **9-12. Lá kép chân vịt:** 9. 3 lá chét (*Cleome*, *Crateva*); 10. 4 lá chét (*Cleome viscosa*, *Niebuhrria*); 11. 5 lá chét (*Cleome*); 12. 7 lá chét (*Cleome hassleriana*); **13-14. Lá kèm dạng gai:** 13. Gai nhọn cong xuống (*Capparis*); 14. Gai có gốc phình to (*Capparis*, *Tirania*); **15-19. Lá bắc:** 15. Lá bắc hình dùi có 2 tai 2 bên (*Capparis assamica*); 16. Lá bắc hình mác, gốc có 2 lá kèm (*Crateva magna*); 17. Lá bắc dạng lá kép chân vịt 3 lá chét (*Cleome gynandra*); 18. Lá bắc hình trứng (*Cleome hassleriana*); 19. Lá bắc hình tam giác (*Stixis suaveolens*).

3. Lá kèm

Đa số các đại diện thường có lá kèm (*Capparis*, *Tirania*, *Cleome*, *Crateva*) hoặc không có lá kèm (*Stixis*, *Niebuhrria*). Lá kèm của các đại diện đều là dạng gai, gồm 2 cái xếp thành từng cặp ở hai bên cuống lá. Gai dài hoặc ngắn, đôi khi tiêu giảm chỉ còn là những u nhỏ; gai thẳng, hướng lên hoặc hướng xuống, phần chóp thường sắc và nhọn; ở một số đại diện phần gốc thường phình to (*Capparis zeylanica*, *Tirania*); gai thường nhẵn hoặc có lông; có màu nâu hoặc đen (hình 1: 13-14).

4. Cụm hoa

Thường gặp hoa xếp thành hàng trên nách lá (*Capparis*) mang 1-6 hoa, kích thước cuống hoa thường dài dần từ phía gần gốc lá ra phía ngoài, cụm hoa ngửa ở nách lá hoặc ở đỉnh cành (*Capparis*, *Crateva*), cụm hoa tán đơn (*Capparis*) hay tán tập hợp thành chùy (*Capparis*), đôi khi hoa mọc đơn độc ở nách lá, thường ở nách các lá gần đỉnh (*Tirania*, *Capparis*, *Cleome*), cụm hoa dạng chùm đơn (*Capparis*, *Crateva*, *Cleome*) hoặc chùm kép (*Stixis ovata* subsp. *fasciculata*).

5. Lá bắc

Lá bắc hình dùi, 2 bên có 2 tai nhỏ (*Capparis assamica*), lá bắc hình mác, phía gốc có 2 “lá kèm” (*Crateva magna*), hình thuôn (*Stixis suaveolens*), hình trứng (*Cleome*, *Stixis*), hình tam giác (*Stixis suaveolens*) hoặc lá bắc dạng lá kép 3 lá chét (*Cleome gynandra*) (hình 1: 15-19).

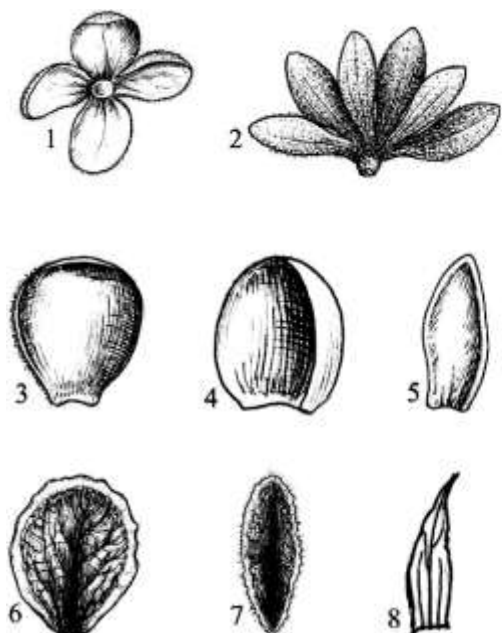
6. Hoa

Các đại diện của họ hầu hết là hoa đều, một số đại diện hoa gần không đều (*Capparis*, *Crateva*). Hoa lưỡng tính, đối xứng tỏa tròn (*Niebuhrria*, *Stixis*, *Tirania*) hoặc đối xứng hai bên (*Capparis*, *Cleome*, *Crateva*). Bao hoa thường mẫu 4 (*Capparis*, *Cleome*, *Crateva*, *Niebuhrria*) hoặc mẫu 3 (*Stixis*, *Tirania*). Hoa thường có đầy đủ các bộ phận (đài, tràng, nhị, nhụy) hoặc không có cánh tràng (*Niebuhrria*, *Stixis*). Nụ hoa hình cầu (*Capparis*, *Stixis*), hình trứng hoặc hình trứng ngược (*Stixis*). Hoa thường nở khi có đầy đủ lá, một số đại diện hoa nở trước khi ra lá hoặc cùng lúc ra lá non (*Capparis zeylanica*, *Crateva trifoliata*, *Crateva formosensis*). Các bộ phận của hoa có lông hoặc nhẵn, tiền khai hoa van hoặc tiền khai hoa lợp (*Tirania*).

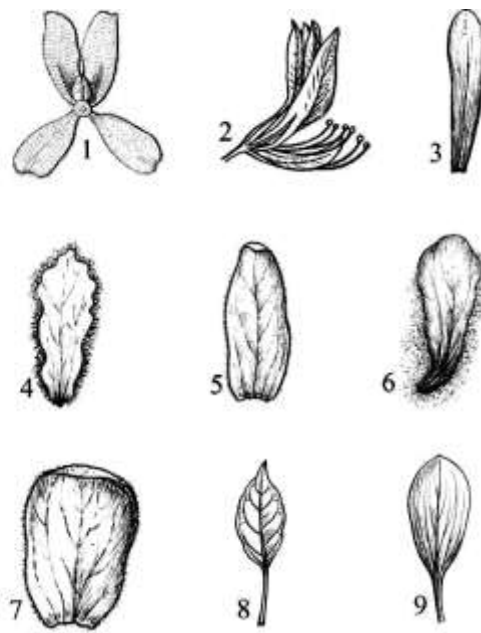
Đài: Đài 4 xếp thành 2 vòng (*Capparis*) hoặc đài 6 xếp thành 2 vòng (*Stixis*); đài thường rời (*Capparis*, *Crateva*, *Cleome*, *Niebuhrria*, *Tirania*) hoặc hơi hợp ở gốc (*Stixis*). Lá đài thường phẳng, đôi khi lõm hình lòng chảo (*Capparis*). Lá đài thường có màu xanh, hình bầu dục, hình trứng, hình mác. Lá đài thường có lông (*Capparis*, *Cleome*, *Stixis*) hoặc nhẵn (*Crateva*, *Niebuhrria*). Lá đài thường rụng sau khi hoa nở hoặc còn dính trên cuống khi ra quả rồi sau đó mới rụng (*Capparis thorelii*) (hình 2).

Tràng: Cánh tràng rời, thường có 4 cánh tràng (*Capparis*, *Cleome*, *Crateva*) hoặc có 6 cánh tràng (*Tirania*). Cánh tràng thường xếp thành 2 cặp đối diện nhau gọi là cặp cánh tràng trên và cặp cánh tràng dưới (*Capparis*), cánh tràng thường xếp về cùng 1 phía (*Cleome*, *Crateva*) hoặc xếp tỏa tròn xung quanh (*Tirania*). Cánh tràng hình bầu dục (*Crateva*), hình thuôn (*Capparis*, *Cleome*, *Tirania*). Cánh tràng thường không có cuống (*Capparis*) hoặc thót lại và kéo dài thành “cuống” rõ (*Cleome*, *Crateva*). Cánh tràng thường có màu trắng (*Capparis*, *Cleome*, *Crateva*), màu vàng (*Crateva*), màu vàng nhạt (*Capparis*), màu tím (*Capparis*, *Cleome*), màu hồng (*Cleome hassleriana*), màu đỏ tía (*Tirania*), màu trắng có bột vàng hoặc tím (*Capparis*). Một số đại diện trên cánh tràng có gân nổi rõ (*Crateva*, *Cleome*, *Stixis ovata* subsp. *fasciculata*). Cánh tràng thường có lông, ít khi nhẵn (hình 3).

Triền tuyến mật: Chỉ gặp ở một số đại diện của chi *Capparis* và *Crateva*. Ở chi *Capparis*, triền nằm ở gốc của cặp cánh tràng trên gồm các dạng: Triền dạng u loe rộng về phía đỉnh (*C. acutifolia*, *C. zeylanica*), dạng u nhỏ chia 2 thùy (*C. micracantha*, *C. pubiflora*, *C. pyrifolia*). Ở chi *Crateva*, triền có dạng u tròn (*C. magna*, *C. trifoliata*) (hình 4: 5-7).



Hình 2. Một số dạng đài



Hình 3. Một số dạng tràng

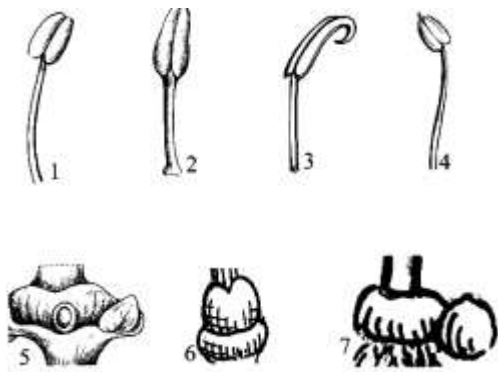
1. Đài 4 xếp thành 2 vòng (*Capparis*); 2. Đài 6 xếp thành 2 vòng (*Stixis*); 3. Đài hình trứng ngược, lõm (*Capparis koioides*); 4. Đài hình bầu dục, lõm (*Capparis sepiaria*); 5. Đài hình mác (*Capparis micracantha*); 6. Đài hình bầu dục, mép có màng mỏng (*Capparis sepiaria*); 7. Đài hình bầu dục hẹp, mặt ngoài có lông (*Stixis scandens*); 8. Đài hình mác (*Crateva*).

1. Tràng xếp thành 2 cặp (*Capparis*); 2. Các cánh tràng xếp cùng 1 phía (*Cleome*); 3. Cánh tràng hình mác ngược (*Capparis annamensis*); 4. Hình trứng ngược, mép có lông (*Capparis sepiaria*); 5. Hình trứng (*Capparis pyrifolia*); 6. Hình trứng ngược, gốc nhọn, mép có lông (*Capparis sepiaria*); 7. Gân hình trứng ngược, lõm (*Capparis koioides*); 8. Hình bầu dục, gốc kéo dài thành "cuống" (*Crateva*); 9. Hình trứng ngược, gốc kéo dài thành "cuống" (*Cleome gynandra*).

Bộ nhị: Nhị thường nhiều, có khi đến 150 nhị (*Capparis koioides*), hiếm khi có 6 nhị (*Cleome gynandra*, *C. hassleriana*, *C. rutidosperma*). Chỉ nhị thường dài, màu trắng (*Capparis*), màu tím (*Crateva*, *Cleome gynandra*), màu hồng nhạt (*Cleome hassleriana*), màu vàng (*Stixis*), màu trắng sau chuyển sang màu hồng nhạt hoặc màu tím hồng (*Capparis koioides*, *Capparis zeylanica*). Bao phấn đính gốc hoặc đính lưng, mở theo đường nứt dọc, thường uốn cong về phía đỉnh. Bao phấn có màu vàng (*Crateva*, *Cleome gynandra*, *Cleome hassleriana*), màu tím (*Capparis*, *Cleome rutidosperma*, *Stixis*) (hình 4: 1-4).

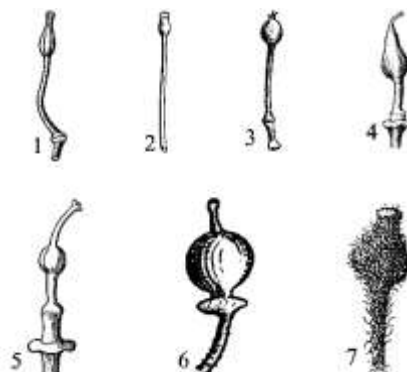
Cuống nhị nhụy và cuống nhị nhụy hay cuống bầu: Các đại diện của họ thường không cuống nhị nhụy, hiếm khi có cuống nhị nhụy (*Cleome gynandra*, *C. hassleriana*), nhẵn. Cuống bầu thường dài bằng chỉ nhị, đôi khi hình thành quả cuống bầu thường dài ra (*C. gynandra*, *C. hassleriana*, *C. viscosa*), to lên và hóa gỗ cứng (*Capparis*), cuống bầu trên hoa thường có lông hoặc nhẵn, đôi khi không có cuống bầu (*Cleome viscosa*, *Tirania*) (hình 5).

Bộ nhụy: Bầu trên, bầu có nhiều hình dạng như hình cầu (*Stixis*, *Tirania*), hình trụ (*Capparis*, *Cleome*, *Crateva*, *Nieuhria*), hình trứng (*Capparis*, *Crateva*, *Stixis suaveolens*), nhẵn hoặc có lông. Bầu có rãnh hoặc có gờ (*Capparis*, *Stixis*). Bầu 1 ô (*Capparis*, *Crateva*, *Cleome*, *Nieuhria*), 3-4 ô (*Stixis*), 4 ô (*Tirania*). Mỗi ô thường chứa vài noãn hay nhiều noãn, đính noãn bên, số lượng giá noãn từ 3-4. Vòi nhụy thường không phân nhánh (*Capparis*, *Crateva*, *Cleome*, *Tirania*) hoặc phân 3-4 nhánh (*Stixis*). Núm nhụy hình đĩa, hình đầu (hình 5).



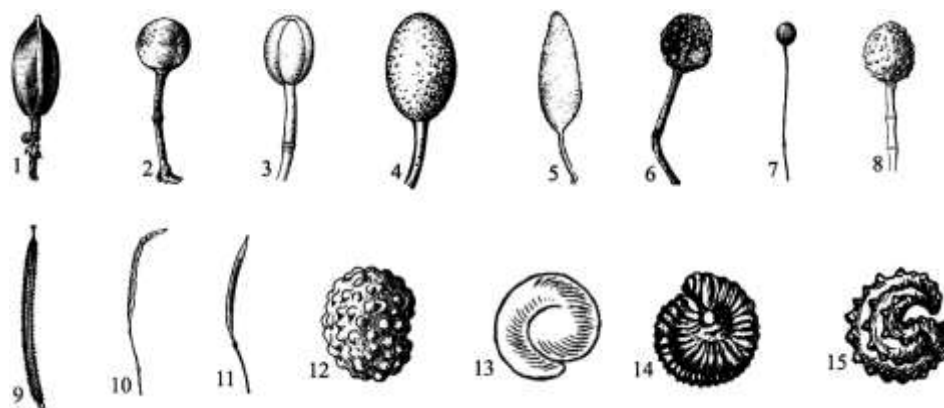
Hình 4. Một số dạng nhị và triền

1-4. Nhị: 1. Bao phấn hình trứng (*Capparis*); 2. Bao phấn hình trứng, đỉnh chỉ nhị hơi phình to (*Stixis*); 3. Đỉnh bao phấn cong ở đỉnh (*Capparis*); 4. Nhị có trung đới kéo dài (*Nieuhria*); 5-7. Triền: 5. Triền dạng u tròn (*Crateva*); 6. Triền dạng u nhỏ chia 2 thùy (*Capparis micracantha*); 7. Triền dạng u loe rộng về phía đỉnh (*Capparis acutifolia*).



Hình 5. Một số dạng cuống bầu và bầu

1. Có cuống bầu, bầu có khía dọc (*Capparis annamensis*); 2. Có cuống bầu, bầu hình thuôn, núm nhụy dạng u (*Nieuhria*); 3. Có cuống bầu, bầu hình bầu dục, vòi nhụy 3 (*Stixis suaveolens*); 4. Có cuống bầu, bầu hình trứng, vòi nhụy cong về 1 phía (*Stixis scandens*); 5. Có cuống bầu, bầu hình cầu, núm nhụy chia 3 thùy nông (*Stixis hookeri*); 6. Không có cuống bầu, bầu hình cầu (*Tirania*); 7. Có cuống bầu, bầu hình trứng, có lông dày (*Capparis flavicans*).



Hình 6. Một số dạng quả và hạt

1-8. Quả mọng: 1. Quả hình bầu dục, có gờ dọc (*Capparis annamensis*); 2. Quả hình tròn (*Capparis grandis*); 3. Quả hình thuôn, có 4 viền dọc (*Capparis micracantha*); 4. Quả hình bầu dục, bề mặt có nhiều vết đốm trắng (*Stixis*); 5. Quả gần hình thuôn thót dần về phía đỉnh (*Capparis korthalsiana*); 6. Quả hình bầu dục, bề mặt có mụn nhỏ (*Capparis siamensis*); 7. Quả hình cầu, đỉnh quả có chóp nhọn (*Capparis subsessilis*); 8. Quả hình bầu dục, bề mặt nổi nhiều mụn (*Capparis flavicans*); 9-11. Quả nang: 9. *Cleome viscosa*; 10. *Borthwickia trifoliata*; 11. *Cleome ruidosperma*; 12-15. Các dạng hạt: 12. Hạt hình bầu dục, bề mặt nổi nhiều mụn (*Capparis radula*); 13-15. Hạt hình thận: 13. *Capparis*; 14. *Cleome viscosa*; 15. *Cleome gynandra*.

7. Quả

Quả mọng (*Capparis*, *Crateva*, *Niebuhrria*, *Tirania*), quả hạch (*Stixis*) hoặc quả nang dạng quả cải (*Cleome*). Quả thường hình cầu (*Capparis*, *Crateva*, *Niebuhrria*, *Stixis*, *Tirania*), hình bầu dục (*Stixis*), hình thuôn (*Capparis*), hình trứng ngược (*Crateva*), hình trụ (*Cleome*), quả có núm nhọn ở đỉnh (*Capparis*) hoặc không có. Bề mặt quả nhẵn hoặc có mụn (*Capparis flavicans*), có u nhỏ (*Capparis siamensis*), có sọc dọc (*Capparis micracantha*), có gờ dọc (*Capparis ananmensis*), có khía dọc (*Cleome*), có lông tuyến (*Cleome*). Quả chín thường có màu vàng cam hoặc đỏ cam (*Capparis*, *Crateva*, *Stixis*), màu đen, màu tím đen, màu vàng (*Capparis*) (hình 6: 1-11).

8. Hạt

Hạt thường có hình thận (*Capparis*, *Cleome*, *Crateva*), hình bầu dục (*Capparis*, *Crateva*) hoặc hình tam giác (*Crateva magna*, *Niebuhrria siamensis*), thường không có áo hạt, đôi khi có áo hạt màu trắng hoặc vàng nhạt (*Capparis*). Màu sắc hạt thường có màu nâu đỏ, một số có màu nâu nhạt hoặc màu đỏ (hình 6: 12-15).

III. KẾT LUẬN

Đặc điểm hình thái của họ Màn màn tương đối đa dạng thể hiện ở nhiều đặc điểm. Một số đặc điểm chính của họ là: Dạng sống thường là cây bụi đứng hoặc trườn, đôi khi là cây gỗ hoặc cây thảo; thường có lá kèm, dạng gai, thành từng cặp ở hai bên cuống lá. Lá đơn, mọc cách hoặc lá kép chân vịt, 3-7 lá chét, mọc cách hoặc mọc đối. Hoa thường xếp thành hàng trên nách lá, hợp thành cụm hoa chùm, chùm kép, ngù, tán, tán tập hợp thành chùy hoặc đôi khi hoa mọc đơn độc ở nách lá. Đài 3-8, xếp thành một vòng hoặc 2 vòng. Tràng gồm 4-8 cánh hoặc không có tràng (*Stixis*, *Tirania*), một số đại diện phần gốc cánh tràng thót lại thành cuống rỗ (*Cleome*, *Crateva*). Có cuống nhị nhụy (*Cleome*, *Stixis*) hoặc cuống bầu (*Capparis*, *Cleome*, *Crateva*, *Stixis*), cuống bầu thường dài bằng chỉ nhị. Nhị 6 đến nhiều (150). Bầu thường 1 ô, đôi khi 3-6 ô. Quả mọng, quả hạch hoặc quả nang. Hạt 1- nhiều, thường có hình thận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản & V. I. Dorofeev, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2: 415-423.
2. Chayamarit K., 1991. Flora of Thailand, Bangkok, vol. 5 (3): 241-271.
3. Gagnepain F., 1908. Bulletin de la Societe Botanique de France, Paris, 55: 325.
4. Gagnepain F., 1908. Flore general de L' Indochine, Paris. 1: 171-206.
5. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tập 1: 588-601.
6. Hu Qi Ming, 2007. Flora of Hongkong, Agriculture, Fisheries and Conservation Department, vol. 1: 261-265.
7. Jacobsm., 1960. Flora Malesiana, Netherlands, vol. 6 (1): 61-105,
8. Jacobsm., 1963-1965. Blumea, Holland, vol. 12 (1): 5-12, vol. 12 (2): 177-208, vol. 12 (3): 385-541.
9. Raghvan R. S., 1993. Flora of India, India, vol. 2: 248-335.
10. Zhang mingli, Gordon C. Tucker, 2008. Flora of China, Missouri Botanical Garden Press, vol. 7: 433-450.

**MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF GENERA OF Capparaceae
IN VIET NAM**

SY DANH THUONG, TRAN THE BACH

SUMMARY

The Capparaceae is a small family. In the world, there are about 45 genera, 900 species, usually distributed in tropical, subtropical, a few in hot regions in Africa. In Vietnam, there are 7 genera and nearly 60 species. Specification of morphological characteristics (habitats, leaves, flowers, androgynophore, gynophore, fruits and seeds) of the family in order to identify all taxa is very important. This family has main characteristics: Shrubs, trees, or woody vines, evergreen, deciduous in some species of *Crateva*. Stipules spinelike, small, or absent. Leaves simple or compound with 3-7 leaflets, alternate or rarely opposite. Inflorescences superaxillary; racemose, corymbose, umbellate, paniculate, axillary or at the top of branches. Flowers bisexual, often with caducous bracteoles. Sepals 4 (-8), in 1 or 2 whorls, equal or not. Petals (0-4 (-8), with or without a claw. Androgynophore in *Stixis* and *Cleome*. Gynophore often as long as filaments. Stamens 6- ca. 150. Pistil 2 (-8)-carpellate, 1 loculed, with 2 to several parietal placentae or 3-6-loculed in *Borthwickia* and *Stixis*; ovules several to many. Fruit a berry or capsule, globose, elipsoid, or linear. Seeds 1 to many per fruit, reniform, oval or nearly triangular.